30

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH[1]

Về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước

Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập sở hữu của nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,[2]

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 2 Quyết định sau:

- Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2007.

- Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 2 Quyết định nêu trên.

[2] Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước.

Điều 2.[3] Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ các Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước; Quyết định số 208/1999/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 33/2001/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng xe ô tô phục vụ công tác đối với các nhà khoa học; Quyết định số 105/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức giá mua xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ; Quy định về việc tạm dừng mua mới phương tiện đi lại quy định tại khoản d Mục 1 Phần VI Quyết định số 25/2006/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban

---

Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính"

[3] Điều 2 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước , có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010 quy định như sau:

"Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010. Bãi bỏ Quyết định số 184/2007/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./."

nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 30 **/VBHN-BTC**

Nơi nhận:
- VPCP (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử của BTC;
- Lưu: VT, QLCS.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 4 *tháng* 7 *năm* 2014

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Chí

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại là xe ô tô phục vụ công tác; chế độ khoán kinh phí sử dụng ô tô; chế độ sử dụng dịch vụ cung ứng xe của thị trường để phục vụ công tác trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp), Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của nhà nước và các công ty nhà nước.

Đối với xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và xe phục vụ lễ tân đối ngoại của Nhà nước, thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xe ô tô thuộc phạm vi điều chỉnh trong Quy định này bao gồm xe từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng (gọi chung là xe ô tô) được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách, nguồn vốn của công ty nhà nước (kể cả viện trợ, quà biếu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật...).

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và công ty nhà nước căn cứ vào tiêu chuẩn định mức quy định tại Quy định này để bố trí xe ô tô phục vụ các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô.

2. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe theo chức danh cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều này thì người mới được bổ nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị xe mới.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy định này vào việc riêng; bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào nếu không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Giá mua xe ô tô theo Quy định này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật nhưng chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm liên quan đến việc sử dụng xe. Việc mua xe ô tô phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về mua sắm tài sản nhà nước.

5.[4] Xe ô tô trang bị cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe phục vụ công tác được thay thế theo yêu cầu công tác đối với các chức danh quy định tại Điều 3 và Điều 4; khi đã sử dụng ít nhất 200.000 km đối với các chức danh quy định tại Điều 5, 6; riêng ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn là 160.000 km. Xe ô tô được thay thế phải thực hiện bán đấu giá, số tiền bán xe sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC, CHẾ ĐỘ TRANG BỊ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC

Điều 3. Các chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô không quy định mức giá cụ thể

1. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

2. Chủ tịch nước;

3. Chủ tịch Quốc hội;

4. Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Các chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác [5]

1. Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 10,4 trở lên.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại từng thời điểm, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại xe trang bị cho các chức danh nêu tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Bộ Tài chính. Việc tổ chức thực hiện mua sắm được thực hiện theo quy định hiện hành và giá mua xe phù hợp với thị trường tại thời điểm mua sắm.

Điều 5. Các chức danh được sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/một xe[6]

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[6] Mức giá quy định tại Điều 5 đã được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc

1. Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng các đoàn thể ở Trung ương, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,7 trở lên.

2. Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh: Bí thư, Phó Bí thư Thành uỷ, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 6. Các chức danh được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với giá mua tối đa *920 triệu đồng/một xe*[7]

1. Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Thứ trưởng, Phó các đoàn thể Trung ương, Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các chức danh tương đương và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 1,25 trở lên.

2. Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh: Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

4. Một số trường hợp đặc biệt, thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Việc sử dụng xe ô tô đối với Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô của chức vụ đang đảm nhận. Trường hợp chức vụ đang đảm nhận không có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác thì được bố trí phương tiện khi đi công tác.

Điều 8. Các chức danh được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

---

sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[7] Mức giá quy định tại Điều 6 đã được điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

1. Ở Trung ương: cán bộ lãnh đạo cấp Tổng cục, Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ và cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

2. Ở địa phương:

a) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Cán bộ cấp Trưởng, Phó các Sở, Ban, ngành và tương đương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh); Bí thư, Phó Bí thư huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ (gọi chung là cấp huyện); Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25.

3.[8] Căn cứ vào điều kiện cơ sở hạ tầng giao thông và khả năng cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định khoảng cách cụ thể từ trụ sở cơ quan khi đi công tác được bố trí xe ô tô cho các chức danh quy định tại khoản 1; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đối với các chức danh tại khoản 2 Điều này sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Trường hợp đối tượng tự túc phương tiện thì được khoán kinh phí theo quy định.

4. Trường hợp do yêu cầu khẩn cấp hoặc do yêu cầu đặc biệt phục vụ công tác, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc bố trí xe ô tô của cơ quan, đơn vị hoặc thuê dịch vụ xe ô tô cho các chức danh không có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô.

[9]Giá mua xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ tối đa là 720 triệu đồng/xe, trường hợp phải mua xe 2 cầu thì giá mua xe tối đa là 1.040 triệu đồng/xe.

Điều 9. Trang bị xe ô tô phục vụ công tác tại công ty nhà nước

Tùy theo nhu cầu phục vụ công tác và khả năng tài chính, công ty nhà nước được trang bị xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung theo quy định sau:

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[9] Mức giá mua xe quy định tại Điều này đã được điều chỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty và các Tập đoàn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập được sử dụng 01 xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hàng ngày và đi công tác theo mức giá mua tối đa *840 triệu đồng/xe.*[10]

2. Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty và các Tập đoàn; Giám đốc, Phó giám đốc các công ty nhà nước được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa *720 triệu đồng/xe*[11] khi đi công tác cách trụ sở công ty từ 15 km trở lên (không bố trí xe đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc).

[12]*Trường hợp có nhu cầu cần thiết phải trang bị xe cho các chức danh có tiêu chuẩn và xe phục vụ công tác cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có giá cao hơn mức giá quy định tại Điều này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá mua xe cao hơn quy định tại Quyết định này song mức vượt không vượt quá 5% so với mức giá quy định; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đối với các trường hợp giá mua xe cao hơn mức giá quy định nhưng tối đa không vượt quá 15%.*

Điều 10. Trang bị xe ô tô phục vụ công tác tại các Ban Quản lý dự án

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng của nhà nước được sử dụng xe ô tô phục vụ nhu cầu hoạt động của dự án theo quy định sau:

1. Các chức danh lãnh đạo (không kể kiêm nhiệm) có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 1,25 trở lên được sử dụng xe theo quy định tại Điều 6 Quy định này. Các chức danh lãnh đạo (không kể kiêm nhiệm) có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 được sử dụng xe ô tô hiện có, thuê dịch vụ xe ô tô hoặc được khoán kinh phí khi tự túc phương tiện phục vụ công tác theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

2. Đối với Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vốn viện trợ nước ngoài thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đã được ký kết.

3. Đối với các chức danh lãnh đạo của các Ban Quản lý dự án theo tuyến, địa

---

[10] Mức giá mua xe quy định tại khoản này đã được điều chỉnh theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[11]Mức giá mua xe quy định tại khoản này đã được điều chỉnh theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[12] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010 và áp dụng cho các điều 5, 6, 8 và 9 văn bản hợp nhất này.

bàn hoạt động rộng, ở vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn nhưng không đủ mức hệ số phụ cấp lãnh đạo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính quy định cụ thể chế độ sử dụng xe trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương. Nguồn kinh phí mua xe bố trí từ kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án.

4. Các Ban quản lý dự án không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không được trang bị xe ô tô. Khi có nhu cầu sử dụng xe ô tô phục vụ công tác thì thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô hoặc áp dụng chế độ khoán kinh phí.

Điều 11. Trang bị xe chuyên dùng

1. Xe chuyên dùng là xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ hoặc sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù, đột xuất, cấp bách phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội.

2.[13] Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương quyết định chủng loại, số lượng xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủng loại, số lượng xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 12. Trang bị xe cho các đơn vị mới thành lập và thay thế xe phục vụ các chức danh[14]

1. Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án được thành lập sau ngày Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 có hiệu lực thi hành hoặc trước ngày Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 có hiệu lực thi hành nhưng chưa được trang bị xe ô tô phục vụ công tác mà có các chức danh có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 thì được trang bị xe ô tô từ nguồn xe điều chuyển hoặc thuê xe dịch vụ để phục vụ công tác. Trường hợp không có xe điều chuyển hoặc dịch vụ thuê xe không thuận tiện thì được mua mới xe ô tô với giá tối đa 720 triệu đồng/xe để phục vụ công tác, cụ thể:

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

a) Ở Trung ương:

- Tổng cục, Cục loại I và các cơ quan tương đương khác ở trung ương được trang bị tối đa 02 xe ô tô phục vụ công tác.

- Các cơ quan, đơn vị khác mới thành lập được trang bị 01 xe ô tô phục vụ công tác.

b) Ở địa phương:

- Các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn phòng Quận ủy, Huyện ủy, Thành ủy; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố được trang bị mỗi cơ quan tối đa 02 xe ô tô.

- Các cơ quan, đơn vị khác mới thành lập được trang bị 01 xe ô tô phục vụ công tác.

c) Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, Ban quản lý dự án mới thành lập thường xuyên hoạt động trên địa bàn các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn nếu phải mua xe 2 cầu thì giá tối đa 1.040 triệu đồng/xe.

2. Việc trang bị thay thế xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án được thực hiện như sau:

a) Đối với các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe quy định tại các Điều 3, 4, 5 và Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007, khi phải thay thế theo quy định nhưng không có xe điều chuyển thì được mua mới theo đúng tiêu chuẩn quy định tại Quy định này

b) Đối với xe ô tô trang bị cho các cơ quan, đơn vị để phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại Điều 8, Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định của chế độ mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc khi đã sử dụng ít nhất 250.000 km (đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo và vùng đặc biệt khó khăn là 200.000 km) mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng nhưng việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không hiệu quả, không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng của nhà nước thì thực hiện thanh lý; nếu không có xe ô tô điều chuyển thì được mua mới để thay thế xe ô tô đã thanh lý. Việc trang bị thay thế xe ô tô phục vụ công tác không được vượt quá số xe ô tô hiện có của cơ quan, đơn vị và kinh phí bố trí trong dự toán ngân sách được giao.

3. Việc mua mới xe ô tô quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương quyết định đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

4. Trường hợp cần thiết phải mua mới xe ô tô quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này không nằm trong dự toán ngân sách được giao thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ,

Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

Điều 13. Trang bị xe ô tô cho các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài

1. Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam hoạt động ở nước ngoài hưởng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quy định số lượng và mức giá mua xe phù hợp với nhu cầu và tính chất công việc của từng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, bảo đảm nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm. Việc mua sắm, quản lý, sử dụng và thanh lý xe ô tô của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

CHƯƠNG III
CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÔNG TÁC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 14. Chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại đối với các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe

1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô quy định tại các Điều 3, 4, 5 và Điều 6 Quy định này được Nhà nước bảo đảm việc trang bị, chi phí sử dụng xe ô tô theo yêu cầu công tác.

2. Trường hợp các chức danh quy định tại Điều 6 Quy định này có điều kiện và tự nguyện đăng ký tự túc phương tiện được thực hiện cơ chế khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho từng công đoạn (đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc đi công tác). Mức khoán cụ thể do thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp quyết định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 15. Bố trí phương tiện đi lại phục vụ cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại các Điều 7 và 8 Quy định này

1. Căn cứ số xe ô tô hiện có, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường và khả năng tự túc phương tiện đi lại của từng chức danh, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn theo các hình thức sau:

- Sử dụng số xe hiện có của cơ quan;
- Thuê dịch vụ xe ô tô;
- Khoán kinh phí để tự túc phương tiện.

2. Việc thanh toán kinh phí sử dụng phương tiện đi lại được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm và thực hiện như sau:

a) Trường hợp sử dụng xe ô tô hiện có thực hiện theo hình thức thanh toán theo đơn giá khoán cho đơn vị quản lý xe;

b) Trường hợp thuê dịch vụ phương tiện đi lại hoặc tự túc phương tiện đi công tác thì được thanh toán theo số km thực tế với đơn giá phổ biến trên thị trường.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thanh toán kinh phí quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16. Bố trí phương tiện đi lại phục vụ các chức danh có tiêu chuẩn tại công ty nhà nước

Căn cứ vào nhu cầu phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Quy định này, công ty nhà nước xây dựng và quyết định việc thực hiện phương thức quản lý, sử dụng xe và thanh toán kinh phí theo quy định tại Điều 15 Quy định này, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 17. Chế độ quản lý, sử dụng xe chuyên dùng

Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được trang bị xe chuyên dùng theo quy định tại Điều 11 Quy định này thực hiện việc quản lý xe tại cơ quan, đơn vị theo tiêu chuẩn định mức; tổ chức hạch toán riêng và công khai chi phí sử dụng xe tại các cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành.

Điều 18. Tổ chức quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có

1. Đối với xe ô tô của các chức danh quy định tại các Điều 3, 4, 5 và Điều 6 Quy định này, cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý để phục vụ cho các chức danh có tiêu chuẩn.

2. Đối với xe ô tô phục vụ công tác cho các đối tượng được sử dụng xe quy định tại các Điều 7, 8 và Điều 10 Quy định này, căn cứ vào số lượng xe hiện có và khả năng đáp ứng nhu cầu dịch vụ đi lại của thị trường, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương án tổ chức, quản lý số xe hiện có tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp mình quản lý trên từng địa bàn theo nguyên tắc:

a) Thực hiện hạch toán sử dụng từng xe theo đơn giá khoán và công khai việc sử dụng tại các cơ quan, đơn vị;

b) Được phép cung cấp dịch vụ theo đơn giá bảo đảm chi phí cho các cá nhân trong cơ quan và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác có nhu cầu sử dụng xe ô tô phục vụ công tác sau khi đã bảo đảm phục vụ yêu cầu hoạt động của cơ quan trừ các xe của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xây dựng Quy chế quản lý việc cung cấp dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Việc thuê phương tiện đi lại phải căn cứ vào nhu cầu hoạt động thực tế của từng cơ quan, đơn vị và dự toán ngân sách được giao.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức tổ chức, sắp xếp số xe hiện có bảo đảm yêu cầu phục vụ công tác và phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG IV
TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công ty nhà nước theo Quy định này.

3. Thực hiện thu hồi, điều chuyển xe ô tô theo thẩm quyền quy định.

4.[15] Khi giá xe ô tô phổ biến trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với các mức giá quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 20. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định tại Điều 15 và Điều 18 Quy định này và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính thực hiện:

1. Quyết định phương án tổ chức lại số xe hiện có tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Ban hành Quy chế sử dụng xe thuộc phạm vi quản lý.

3. Chỉ đạo các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bố trí, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và áp dụng đơn giá thanh toán theo đúng quy định.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao (đối với xe lễ tân đối ngoại của nhà nước) căn cứ vào hướng dẫn tại Quy định này xây dựng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng xe ô tô và thống nhất với Bộ Tài chính trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và công ty nhà nước

1. Căn cứ vào nguyên tắc quy định tại Điều 15 Quy định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính xây dựng cơ chế khoán kinh phí theo từng công đoạn (đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc đi công tác) để áp dụng cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 9 Quy định này khi các chức danh tự nguyện đăng ký tự túc phương tiện đi lại.

---

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010.

2. Căn cứ vào nguyên tắc quản lý và sử dụng xe quy định tại Điều 15 và Điều 18 Quy định này, xây dựng cơ chế và thực hiện bố trí xe phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại Điều 7, 8 và Điều 10 Quy định này, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

3. Thực hiện việc tổ chức, sắp xếp số xe ô tô hiện có theo phương án của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

CHƯƠNG V
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại.

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với việc mua sắm, trang bị phương tiện đi lại không đúng thẩm quyền, vượt tiêu chuẩn, định mức gây thiệt hại tài sản, kinh phí của nhà nước thì người ra quyết định phải bồi thường thiệt hại đồng thời bị xử lý kỷ luật theo quy định của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đối với việc quản lý, sử dụng phương tiện đi lại không đúng quy định thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng phương tiện đi lại trái với quy định của Nhà nước; tuỳ theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại đồng thời bị xử lý kỷ luật theo quy định của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Xe ô tô mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi để điều chuyển hoặc bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thi hành Quy định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.